

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173020 - Đồ án Thi công Đường ô-tô

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Hồ Anh	Ngọc	3571011465	10/06/1993		8,00	8,00	
2	Phạm Văn	Hà	3571011468	20/12/1993		7,50	7,50	
3	Trần Quang	Nhật	3571011471	04/07/1993		6,00	6,00	
4	Châu Triệu	Vỹ	3571011481	21/03/1993		,00	,00	
5	Phạm Nhật	Tân	3571011491	20/04/1993		6,00	6,00	
6	Nguyễn Văn	Ngà	3571011497	05/01/1993		5,00	5,00	
7	Nguyễn Anh	Tài	3571011499	26/02/1991		7,50	7,50	
8	Đỗ Quang	An	3571011503	26/06/1993		,00	,00	Nợ HP
9	Nguyễn Văn	Biển	3571011507	15/09/1993		9,00	9,00	
10	Trịnh Hoài	Sơn	3571011511	30/10/1993		6,00	6,00	Nợ HP
11	Nguyễn Thanh	Hùng	3571011512	01/02/1993		8,00	8,00	
12	Nguyễn Đình	Hòa	3571011514	06/01/1993		3,00	3,00	
13	Nguyễn Xuân	Huy	3571011516	19/05/1993		6,50	6,50	
14	Nguyễn Huỳnh	Nhân	3571011522	17/05/1993		,00	,00	Nợ HP
15	Vũ Phạm	Tuân	3571011529	02/01/1990		6,00	6,00	Nợ HP
16	Nguyễn Thanh	Đềm	3571011546	01/04/1993		6,00	6,00	
17	Đặng Trung	Ngân	3571011560	10/01/1993		,00	,00	
18	Phan Tấn	Đạt	3571011561	04/05/1993		8,00	8,00	
19	Lại Văn	Viên	3571011600	10/02/1993		,00	,00	Nợ HP
20	Nguyễn Đức	Tài	3571011601	30/04/1992		7,00	7,00	
21	Hồ Lê Minh	Tín	3571011607	24/07/1993		7,00	7,00	
22	Lê Phúc	Đạt	3571011614	13/09/1993		8,00	8,00	
23	Đinh Quốc	Vương	3571011616	02/09/1992		,00	,00	
24	Nguyễn Mạnh	Công	3571011622	05/11/1993		9,00	9,00	
25	Trương Hoàng	Hải	3571011627	02/05/1993		8,00	8,00	
26	Nguyễn Ngọc	Duy	3571011629	30/04/1993		6,00	6,00	
27	Đặng Thành	Trung	3571011638	30/12/1993		8,00	8,00	
28	Đinh Văn	Thân	3571011639	07/08/1992		,00	,00	
29	Trần Minh	Huy	3571011642	16/06/1993		,00	,00	
30	Bùi Quốc	Thi	3571011650	16/08/1993		6,00	6,00	
31	Nguyễn Thành	Cương	3571011651	20/07/1993		7,00	7,00	
32	Đào Ngọc	Tú	3571011657	16/06/1993		,00	,00	
33	Đặng Tiến	Đạt	3571011662	11/05/1993		5,00	5,00	
34	Huỳnh Ngọc	Phát	3571011677	02/09/1993		6,50	6,50	
35	Đoàn Tấn	Hưng	3571011681	24/06/1992		7,00	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lý Quang	Trung	3571011686	15/06/1993		7,00	7,00	
37	Dương Hải	Đặng	3571011711	07/10/1993		8,00	8,00	
38	Lê Phước	Nhân	3571011712	04/09/1993		7,50	7,50	
39	Nguyễn Hữu	Phụng	3571011717	20/05/1993		8,00	8,00	
40	Nguyễn	Ngọc	3571011721	20/05/1993		6,00	6,00	
41	Phan Tiến	Điệp	3571011729	07/04/1989		,00	,00	Nợ HP
42	Lê Thanh	Triều	3571011744	20/07/1993		6,00	6,00	
43	Lê Đình	Vượng	3571011758	12/08/1993		3,00	3,00	
44	Hà Anh	Hoàng	3571011762	01/01/1993		7,00	7,00	
45	Phí Quang	Tuấn	3571011770	21/02/1993		6,00	6,00	
46	Nguyễn Ngọc	Sơn	3571011807	25/03/1993		7,50	7,50	
47	Nguyễn Trọng	Tín	3571011812	30/12/1993		7,50	7,50	
48	Trần Vĩnh	Huy	3571011824	12/09/1993		7,00	7,00	
49	Trịnh Hoài	Vỹ	3571011825	02/02/1992		,00	,00	Nợ HP
50	Nguyễn Huỳnh	Tùng	3571011840	14/02/1992		,00	,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)